

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HSST
Ngày 16 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phú

Bà Nguyễn Thị Nhơn

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Doãn Đình Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 290/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/HSST-QĐ ngày 16/12/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HS ngày 03/01/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Thị H; sinh năm 1971; Giới tính: Nữ; Nơi sinh: Phú Yên; Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh K; Chỗ ở: 157/13/52E G, phường F, quận BT, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Không có; Họ tên cha: M T (Đã chết); Họ tên mẹ: Đặng Thị B (Đã chết); Anh, chị em: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chồng: Lê Văn H1 (Đã ly hôn) Có 03 người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không có; Biện pháp ngăn chặn: Tạm giam từ ngày 07/01/2024.

2. Họ và tên: Tô Bá N; sinh năm 1995; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Nghệ An; Nơi ĐKKHKT: Xóm M, xã H, huyện Q, tỉnh N; Chỗ ở: 100/50/42 đường L, phường O, quận BT, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Họ tên cha: Tô Bá Đ, sinh năm 1966; Họ tên mẹ: Lê Thị Minh T, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là người thứ 02 trong gia đình; Vợ: Trinh Minh Đ, sinh năm 1996; Con: Có 01 con

sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không có; Biện pháp ngăn chặn: Tạm giữ từ ngày 07/01/2024.

Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- | | |
|---|----------------|
| 1/ Phan Thị Bích C | Sinh năm: 1970 |
| Nơi cư trú: 128/22/6 L, Phường O, quận BT, Thành phố H | |
| 2/ Lý Hoàng N | Sinh năm: 1968 |
| Nơi cư trú: 22/46 H, Phường TF, quận BT, Thành phố H | |
| 3/ Nguyễn Thị N | Sinh năm: 1960 |
| Nơi cư trú: 68/201B T, Phường TĐ, quận O, Thành phố H | |
| 4/ Nguyễn Minh Thu H | Sinh năm: 1971 |
| Nơi cư trú: 88/24 L, Phường Y, quận BT, Thành phố H | |
| 5/ Trần Thị Thu T | Sinh năm: 1982 |
| Nơi cư trú: 38/10/18I C, Phường TĐ, quận O, Thành phố H | |
| 6/ Bùi Thị Ngọc M | Sinh năm: 1967 |
| Nơi cư trú: 99/9 H, Phường F, quận BT, Thành phố H | |
| 7/ Hồ Thị Ngọc M | Sinh năm: 1968 |
| Nơi cư trú: 220/59 T, Phường F, quận BT, Thành phố H | |
| 8/ Cao Văn S | Sinh năm: 1966 |
| Nơi cư trú: 10/11 C, Phường Đ, quận O, Thành phố H | |
| 9/ Trần Thị C | Sinh năm: 1965 |
| Nơi cư trú: 220/24/9 H, Phường F, quận BT, Thành phố H | |
| 10/ Trang M H | Sinh năm: 1971 |
| Nơi cư trú: 26/35 C, Phường E, quận BT, Thành phố H | |
| 11/ Nguyễn Thị Kim N | Sinh năm: 1968 |
| Nơi cư trú: 87/19 L, Phường T, quận BT, Thành phố H | |
| 12/ Nguyễn Trọng T | Sinh năm: 1971 |
| Nơi cư trú: 128/38/21/1 L, Phường O, quận BT, Thành phố H | |
| 13/ Trần Thị M T | Sinh năm: 1977 |
| Nơi cư trú: 220/48H H, Phường F, quận BT, Thành phố H | |
| 14/ Nguyễn Thị Cẩm T | Sinh năm: 1972 |
| Nơi cư trú: 68/321 K, Phường TĐ, quận O, Thành phố H | |

- 15/ M Thị Xuân Tr Sinh năm: 1969
Nơi cư trú: 248/35/4 H, Phường F, quận BT, Thành phố H
- 16/ Trần Thị Thanh T Sinh năm: 1969
Nơi cư trú: 99/11 Nguyễn Thượng H, Phường F, quận BT, Thành phố H
- 17/ Huỳnh Ngọc M S Sinh năm: 1983
Nơi cư trú: 106/5 NL, Phường T, quận BT, Thành phố H
- 18/ Nguyễn Thị N Sinh năm: 1961
Nơi cư trú: 84/8 V, Phường F, quận GV, Thành phố H
- 19/ Nguyễn Thị Hữu D Sinh năm: 1965
Nơi cư trú: 9/56 T, Phường K, quận BT, Thành phố H
- 20/ Nguyễn Văn Thị H Sinh năm: 1982
Nơi cư trú: 142E/54F CG, Phường T, quận PN, Thành phố H
- 21/ Nguyễn Thị P Sinh năm: 1964
Nơi cư trú: 128/38/30 L, Phường O, quận BT, Thành phố H
- 22/ Nguyễn Thị Thu H Sinh năm: 1970
Nơi cư trú: 122/1A TS, Phường F, quận BT, Thành phố H
- 23/ Nguyễn Ngọc M Sinh năm: 1978
Nơi cư trú: 48/1 tổ F, Khu phố E, đường B, Phường LĐ, thành phố TĐ, Thành phố H
- 24/ Chương Thị L Sinh năm: 1970
Nơi cư trú: 68/121A, Phường TĐ, quận O, Thành phố H
- 25/ Lý Thị N Sinh năm: 1950
Nơi cư trú: 68/313A, Phường TĐ, quận O, Thành phố H
- 26/ Đỗ Thị Kim L Sinh năm: 1970
Nơi cư trú: 122/8 TS, Phường F, quận BT, Thành phố H
- 27/ Thái Thị Kiều N Sinh năm: 1977
Nơi cư trú: 220/46 H, Phường F, quận BT, Thành phố H
- 28/ Trương A H Sinh năm: 1972
Nơi cư trú: 48B Nguyễn Huy L, Phường I, quận BT, Thành phố H
29. Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N - Luật sư Lê Doãn Tuấn – Thuộc Văn phòng Luật sư Lê Doãn Tuấn và cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở: 451/1B BĐ, phường T, quận BT, Thành phố H.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T có mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ đầu năm 2018, Đặng Thị H (sinh năm 1971) thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn Quận BT, TP. H. Đầu tiên, H cho vay khu vực Bệnh viện Ung Bướu, sau đó người vay giới thiệu lẫn nhau tìm đến H để vay tiền, H trực tiếp kiểm tra lai lịch người vay và đi thu tiền, đến năm 2021, H thuê Tô Bá N (sinh năm 1995) đi thu tiền người vay tiền và trả công cho N 9.000.000 đồng/01tháng.

H hoạt động cho vay với hình thức vay tiền góp và vay tiền đứng với thủ tục vay và cách tính lãi suất như sau: Người vay liên hệ qua điện thoại, sau đó hẹn gặp trực tiếp các đối tượng trên để cung cấp các giấy tờ gồm: Giấy CMND/CCCD, sổ hộ khẩu, hoặc các giấy tờ liên quan khác (bản chính hoặc bản photo). Sau đó, H đi tìm hiểu thông tin của người vay, nếu đúng thì làm “Giấy vay tiền” với người vay. Trên “Giấy vay tiền” có nội dung: ghi thông tin người vay tiền, số tiền vay nhưng không ghi lãi suất, thời gian vay và người vay phải ký ghi rõ họ tên.

Số tiền cho vay tối thiểu từ 500.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng, lãi suất vay từ 15% - 60%/ 1 tháng, thời gian vay trong 24, hoặc 30 ngày và vay tiền đứng. Sau khi được vay thì người vay phải đóng tiền phí dịch vụ từ 10% /tổng số tiền vay và đóng trước tiền góp, tiền lãi 1 ngày đầu, sau đó nhận được số tiền phân còn lại. Hàng ngày N đến nơi ở của người vay để thu tiền. Ngoài ra, người vay tiền có thể trả tiền vay bằng cách chuyển tiền qua tài khoản của H. Nếu người vay không đóng tiền đúng hạn thì H, N sẽ gọi điện thoại gây áp lực để người vay trả tiền.

Ngày 02/01/2024, Đội CSHS Công an Quận Bình Thạnh phát hiện các đối tượng: Đặng Thị H, Tô Bá N có biểu hiện hoạt động cho vay lãi nặng tại số 25A N, Phường S, Quận BT, TP.H nên tiến hành kiểm tra hành chính đưa về trụ sở làm việc, qua đó tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Thị H phát hiện nhiều tài liệu có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng.

Kết quả điều tra xác minh như sau: Cơ quan CSĐT đã xác minh ghi lời khai được 31 người vay tiền. Qua ghi lời khai, người vay tiền liên hệ qua số điện thoại, hoặc thông qua người giới thiệu để gặp H vay tiền trả góp hoặc vay đứng. Việc vay tiền là tự nguyện, không ai bị ép buộc, số tiền vay từ 500.000 đồng đến 60.000.000 đồng, lãi suất vay trả góp và trả tiền đứng dao động từ 15%- 60%/1 tháng. Khi vay tiền, tất cả người vay phải ghi tên tuổi, địa chỉ và số tiền vay vào giấy vay tiền được in sẵn, sau đó ký tên và phải thể chấp bản chính hoặc bản photo các giấy tờ như: CMND, sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ liên quan khác. Sau khi vay, hàng ngày người vay phải trực tiếp gặp H, N để đóng tiền góp, tiền lãi hoặc chuyển tiền qua tài khoản của H.

Trường hợp không đóng lãi thì H, N gọi điện thoại người vay gây áp lực để thu tiền. Cụ thể như sau:

1. Đối với người vay tiền Phan Thị Bích C (Sinh năm 1970, ngụ 128/22/6 L, Phường O, quận BT):

Thông qua người quen giới thiệu, ngày 28/10/2023, bà Chi gặp H để vay tiền, bà Chi được cho vay 5.000.000đ tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000đ, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000đ. Hình thức vay: ký giấy vay tiền, H yêu cầu chị Chi thế chấp lại CCCD.

Ngày 22/12/2023, bà Chi gặp H tiếp tục vay thêm 2.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 40.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 100.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 1.900.000 đồng.

Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Chi đã đóng tiền lãi cho H khoản vay đứng 5.000.000 đồng được 67 ngày với số tiền là 6.700.000đ. Khoản vay này bà Chi chưa tất toán tiền gốc 5.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Chi đã đóng tiền lãi cho H khoản vay đứng 2.000.000 đồng được 12 ngày với số tiền là 480.000đ. Khoản vay này bà Chi chưa tất toán tiền gốc 2.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, tương đương 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà Chi chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 67 ngày là 2.800 đồng x 67 ngày = 187.600 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Chi vay khoản tiền đứng trên là (6.700.000 đồng – 187.600 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **7.012.400 đồng**.

Đối với số tiền vay đứng khoản 2.000.000 đồng, tiền lãi đóng 40.000đ/1 ngày thì bà Chi chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.120 đồng, số tiền lãi đã đóng 12 ngày là 1.120 đồng x 12 ngày = 13.440đ. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Chi vay khoản tiền đứng trên là (480.000 đồng – 13.440 đồng) + 100.000 đồng (tiền thu phí trái pháp luật) = **566.560 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà Chi vay đứng là **7.578.960 đồng**.

2. Đối với Lý Hoàng N (Sinh năm 1968, ngụ 22/46 H, Phường TF, quận BT): Do cần tiền chi tiêu và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 20/12/2023, bà N gặp H vay 10.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 200.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 1000.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 9.000.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà N đã đóng tiền lãi được 13 ngày với số tiền là 2.600.000 đồng. Khoản vay này bà N chưa tất toán tiền gốc 10.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 10.000.000 đồng, tiền lãi đóng 200.000đ/1 ngày thì bà N chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 13 ngày là 5.600 đồng x 13 ngày = 72.800 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà N vay khoản tiền đứng trên là (2.600.000 đồng – 72.800 đồng) + 1.000.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **3.527.200 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà N vay đứng là **3.527.200 đồng**.

3. Đối với Nguyễn Thị N (Sinh năm 1960, ngụ 68/201B K, Phường TĐ, quận O): Do cần tiền chi tiêu và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 31/10/2023, bà Nhung gặp H vay 6.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 120.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 600.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 5.400.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Nhung đã đóng tiền lãi được 63 ngày với số tiền là 7.560.000 đồng. Khoản vay này bà Nhung chưa tất toán tiền gốc 6.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 6.000.000 đồng, tiền lãi đóng 120.000đ/1 ngày thì bà Nhung chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 3.360 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 63 ngày là 3.360 đồng x 63 ngày = 211.680 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc

cho bà Nhung vay khoản tiền đứng trên là (7.560.000 đồng – 211.680 đồng) + 600.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **7.948.320 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà N vay đứng là **7.948.320 đồng**.

4. Đối với Nguyễn Minh Thu H (SN 1971, ngụ 88/24 L, Phường 3, quận Bình Thạnh): Thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 27/11/2023, bà H gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà H đã đóng tiền lãi được 33 ngày với số tiền là 3.300.000 đồng. Khoản vay này bà H chưa tất toán tiền gốc 5.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà H chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 33 ngày là 2.800 đồng x 33 ngày = 92.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà H vay khoản tiền đứng trên là (3.300.000 đồng - 92.400 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **3.707.600 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà H vay đứng là **3.707.600 đồng**.

5. Đối với Trần Thị Thu T (Sinh năm 1982, ngụ 38/10/18I Trần Khắc Chân, Phường Tân Định, quận 1): Do cần tiền chi tiêu và thông qua giới thiệu, cuối tháng 8/2023, bà T gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng, chỉ T đã đóng tiền lãi được 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, sau đó, bà T gặp H xin chuyển sang trả góp khoản vay đứng 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, không bị thu phí dịch vụ, bà T góp được 05 ngày với số tiền 1.250.000 ngày, trong đó tiền gốc là 1.000.000 đồng và tiền lãi 250.000 đồng. Sau đó, bà T gặp H xin trả góp tiếp khoản vay còn 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, không bị thu phí dịch vụ, bà T góp được 10 ngày với số tiền 1.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 800.000 đồng và tiền lãi 200.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024 thì bà T đã trả tiền gốc được 1.800.000 đồng, còn tiền gốc 3.200.000 đồng chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm. Còn cho vay góp với lãi suất là 0,5 - 1%/1 ngày, tương đương 15% - 30%/1 tháng, 180% - 360%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà T chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 30 ngày là 2.800 đồng x 30 ngày = 84.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà T vay khoản tiền đứng trên là (3.000.000 đồng – 84.000 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **3.416.000 đồng**.

Đối với khoản bà T vay góp 5.000.000 đồng (chuyển qua từ khoản vay đứng trên), mỗi ngày góp 250.000 đồng, thời hạn 25 ngày thì bà T chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 05 ngày là 2.800 đồng x 05 = 14.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà T vay góp là 250.000 đồng – 14.000 đồng = **236.000 đồng**.

Đối với khoản bà T vay góp 4.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, thời hạn 50 ngày thì bà T chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.240 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 10 ngày là 2.240 đồng x 10 = 22.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà T vay góp là 200.000 đồng – 22.400 đồng = **177.600 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà T vay đứng và vay góp là **3.829.600 đồng**.

6. Đối với Bùi Thị Ngọc M (Sinh năm 1967, ngụ 99/9 N, Phường F, quận BT): Do cần tiền chi tiêu và thông qua người quen giới thiệu, ngày 01/10/2023, bà M gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà M đã đóng tiền lãi được 94 ngày với số tiền là 9.400.000 đồng. Khoản vay này bà M chưa tất toán tiền gốc 5.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao

nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà M chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 94 ngày là 2.800 đồng x 94 ngày = 263.200 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà M vay khoản tiền đứng trên là (9.400.000 đồng – 263.200 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **9.636.800 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà M vay đứng là **9.636.800 đồng**.

7. Đối với Hồ Thị Ngọc M (Sinh năm 1968, ngụ 220/59 H, Phường F, quận BT): Do cần tiền chi tiêu và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 15/5/2023, bà M gặp H vay 10.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 200.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 9.000.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà M đã đóng tiền lãi được 153 ngày với số tiền là 30.600.000 đồng. Khoản vay này bà M đã trả tiền gốc 6.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng tiền gốc chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 10.000.000 đồng, tiền lãi đóng 200.000đ/1 ngày thì bà M chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 153 ngày là 5.600 đồng x 153 ngày = 856.800 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà M vay khoản tiền đứng trên là (30.600.000 đồng – 856.800 đồng) + 1.000.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **30.743.200 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà M vay đứng là **30.743.200 đồng**.

8. Đối với Cao Văn S (Sinh năm 1966, ngụ 10/11 N, phường Đ, quận O): Do cần tiền chi tiêu và thông qua người quen giới thiệu, ngày 01/10/2023, ông S gặp H vay 10.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 200.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 9.000.000 đồng. Đến ngày 17/11/2023, ông S gặp H vay tiếp 3.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 60.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 300.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 2.700.000 đồng.

Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, khoản vay 10.000.000 đồng tiền đứng, ông S đã đóng tiền lãi được 93 ngày với số tiền là 18.600.000 đồng. Khoản vay này ông S chưa tất toán tiền gốc 10.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, khoản vay 3.000.000 đồng tiền đứng, ông S đã đóng tiền lãi được 45 ngày với số tiền là 2.700.000 đồng. Khoản vay này ông S chưa tất toán tiền gốc 3.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 10.000.000 đồng, tiền lãi đóng 200.000đ/1 ngày thì S chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 93 ngày là 5.600 đồng x 93 ngày = 520.800 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho ông S vay khoản tiền đứng trên là (18.600.000 đồng – 520.800 đồng) + 1.000.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **19.079.200 đồng**.

Đối với số tiền vay đứng 3.000.000 đồng, tiền lãi đóng 60.000đ/1 ngày thì S chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.680 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 45 ngày là 1.680 đồng x 45 ngày = 75.600 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho ông S vay khoản tiền đứng trên là (2.700.000 đồng – 75.600 đồng) + 300.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **2.924.400 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho ông S vay đứng là **22.003.600 đồng**.

9. Đối với Trần Thị C (Sinh năm 1965, ngụ 220/24/9 H, Phường F, quận BT): Do cần tiền chi tiêu và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 15/9/2023, bà C gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng, bà C đã đóng tiền lãi được 83 ngày với số tiền là 8.300.000 đồng và trả gốc 3.000.000 đồng. Đến ngày 07/12/2023, bà C gặp H xin tiếp tục trả tiền đứng 2.000.000 đồng còn lại, đóng tiền lãi 40.000đ/1 ngày và không bị thu phí dịch vụ, bà C đã đóng tiền lãi được 26 ngày với số tiền là 1.040.000 đồng.

Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, khoản vay 5.000.000 đồng tiền đứng, bà C đã đóng tiền lãi được 83 ngày với số tiền là 8.300.000 đồng.

Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, khoản vay 2.000.000 đồng tiền đứng, bà C đã đóng tiền lãi được 26 ngày với số tiền là 1.040.000 đồng.

Tính đến thời điểm kiểm tra, bà C đã trả gốc được 3.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng tiền gốc chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà C chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 83 ngày là 2.800 đồng x 83 ngày = 232.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà C vay khoản tiền đứng trên là (8.300.000 đồng – 232.400 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **8.567.600 đồng**.

Đối với số tiền vay đứng 2.000.000 đồng (chuyển qua từ khoản vay đứng trên còn nợ lại), tiền lãi đóng 40.000đ/1 ngày thì bà C chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.120 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 26 ngày là 1.120 đồng x 26 ngày = 29.120 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà C vay khoản tiền đứng trên là (1.040.000 đồng – 29.120 đồng) = **1.010.880 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà C vay đứng là **9.578.480 đồng**.

10. Đối với Trang Mỹ H (Sinh năm 1971, ngụ 26/35 C, Phường E, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua người quen giới thiệu, giữa tháng 11/2023, bà H gặp H vay 10.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 200.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 9.000.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà H đã đóng tiền lãi được 45 ngày với số tiền là 9.000.000 đồng. Khoản vay này H chưa tất toán tiền gốc 10.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 10.000.000 đồng, tiền lãi đóng 200.000đ/1 ngày thì H chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 45 ngày là

5.600 đồng x 45 ngày = 252.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho Hạnh vay khoản tiền đứng trên là (9.000.000 đồng – 252.000 đồng) + 1.000.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **9.748.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho H vay đứng là **9.748.000 đồng**.

11. Đối với Nguyễn Thị Kim N (Sinh năm 1968, ngụ 87/19 L, Phường T, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 10/12/2023, bà Nên gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Nên đã đóng tiền lãi được 21 ngày với số tiền là 2.100.000 đồng. Khoản vay này Nên chưa tất toán tiền gốc 5.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì Nên chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 21 ngày là 2.800 đồng x 21 ngày = 58.800 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho Nên vay khoản tiền đứng trên là (2.100.000 đồng – 58.800 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **2.541.200 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà N vay đứng là **2.541.200 đồng**.

12. Đối với Nguyễn Trọng T (Sinh năm 1971, ngụ 128/38/21/1 L, Phường O, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 10/12/2023, ông T gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, ông T đã đóng tiền lãi được 23 ngày với số tiền là 2.300.000 đồng. Khoản vay này T chưa tất toán tiền gốc 5.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao

nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì T chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 23 ngày là 2.800 đồng x 23 ngày = 64.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho T vay khoản tiền đứng trên là (2.300.000 đồng – 64.400 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **2.735.600 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho ông T vay đứng là **2.735.600 đồng**.

13. Đối với Trần Thị M T (Sinh năm 1977, ngụ 220/48H H, Phường 5, quận Bình Thạnh):

Do cần tiền chi tiêu và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 26/9/2023, bà Hạnh gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng.

Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà H đã đóng tiền lãi được 98 ngày với số tiền là 9.800.000 đồng. Khoản vay này Tiên chưa tất toán tiền gốc 5.000.000 đồng. Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì Tiên chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 98 ngày là 2.800 đồng x 98 ngày = 274.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho Tiên vay khoản tiền đứng trên là (9.800.000 đồng – 274.400 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **10.025.600 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà Tiên vay đứng là **10.025.600 đồng**.

14. Đối với Nguyễn Thị Cẩm T (Sinh năm 1972, ngụ 68/321 T, Phường TĐ, quận O): Do cần tiền kinh doanh và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 01/11/2023, bà Thanh gặp H vay 15.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 300.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 1.500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 13.500.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Thanh đã đóng tiền lãi được 55 ngày với số tiền là 16.500.000 đồng và đã tất toán khoản vay.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đúng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đúng 15.000.000 đồng, tiền lãi đúng 300.000đ/1 ngày thì bà Thanh chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 8.400 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 55 ngày là 8.400 đồng x 55 ngày = 462.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Thanh vay khoản tiền đúng trên là (16.500.000 đồng – 462.000 đồng) + 1.500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **17.538.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà T vay đúng là **17.538.000 đồng**.

15. Đối với M Thị Xuân Tr (Sinh năm 1969, ngụ 248/35/4 Hoàng H Thám, Phường 5, quận Bình Thạnh): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 12/11/2023, bà Trang gặp H vay 2.500.000 đồng tiền đúng, đóng tiền lãi 50.000đ/1 ngày và không bị thu phí dịch vụ, thực nhận số tiền 2.500.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Tr đã đóng tiền lãi được 51 ngày với số tiền là 2.550.000 đồng. Khoản vay này bà Tr chưa tất toán tiền gốc 2.500.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đúng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đúng 2.500.000 đồng, tiền lãi đúng 50.000đ/1 ngày thì bà Trang chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.400 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 51 ngày là 1.400 đồng x 51 ngày = 71.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Thanh vay khoản tiền đúng trên là (2.550.000 đồng – 71.400 đồng) = **2.478.600 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà Tr vay đúng là **2.478.600 đồng**.

16. Đối với Trần Thị Thanh T (Sinh năm 1969, ngụ 99/11 H, phường F, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua bạn bè giới thiệu, tháng

6/2019, bà T gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị thu phí dịch vụ 500.000 đồng, thực nhận số tiền 4.500.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà T đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 210 ngày với số tiền là 21.000.000 đồng. Tháng 7/2019, bà T gặp H vay tiếp 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị thu phí dịch vụ 500.000 đồng, thực nhận số tiền 4.500.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà T đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 180 ngày với số tiền là 18.000.000 đồng. Ngày 01/10/2023, bà T gặp H vay 9.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 180.000đ/1 ngày và bị thu phí dịch vụ 900.000 đồng, thực nhận số tiền 8.100.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Thúy đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 94 ngày với số tiền là 16.920.000 đồng. Hiện bà T đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng, còn 9.000.000 đồng tiền gốc chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày. Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà T chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 210 ngày là 2.800 đồng x 210 ngày = 588.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Thúy vay khoản tiền đứng trên là (21.000.000 đồng – 588.000 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **20.912.000 đồng**.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà Thúy chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 180 ngày là 2.800 đồng x 180 ngày = 504.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà T vay khoản tiền đứng trên là (18.000.000 đồng – 504.000 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **17.996.000 đồng**.

Đối với số tiền vay đứng 9.000.000 đồng, tiền lãi đóng 180.000đ/1 ngày thì bà Thúy chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.040 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 94 ngày là 5.040 đồng x 94 ngày = 473.760 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Thúy vay khoản tiền đứng trên là (16.920.000 đồng – 473.760 đồng) + 900.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **17.346.240 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà T vay đứng là **56.254.240 đồng**.

17. Đối với Huỳnh Ngọc MS (Sinh năm 1983, ngụ 106/5 NL, Phường T, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua người quen giới thiệu, tháng 10/2023, bà S gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị thu phí dịch vụ 500.000 đồng, thực nhận số tiền 4.500.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà S đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng. Sau đó, bà S gặp H xin chuyển sang trả góp khoản vay đứng 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, không bị thu phí dịch vụ, bà S góp được 17 ngày với số tiền 4.250.000 ngày, trong đó tiền gốc là 3.400.000 đồng và tiền lãi 850.000 đồng. Sau đó, bà S gặp H vay góp tiếp 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, bị thu phí dịch vụ 500.000 đồng, bà S góp được 10 ngày với số tiền 5.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024 thì bà S đã trả tiền gốc 7.400.000 đồng, còn 7.600.000 đồng tiền gốc chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm. Còn cho vay góp với lãi suất là 1%/1 ngày, tương đương 30%/1 tháng, 360%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà Sa chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 30 ngày là 2.800 đồng x 30 ngày = 84.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Sa vay khoản tiền đứng trên là (3.000.000 đồng – 84.000 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **3.416.000 đồng**.

Đối với khoản vay đứng trên bà Sa xin chuyển qua vay góp 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, thời hạn 25 ngày thì bà Sa chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 17 ngày là 2.800 đồng x 17 = 47.600 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà T vay góp là (850.000 đồng – 47.600 đồng) = **802.400 đồng**.

Đối với khoản bà S vay góp 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, thời hạn 25 ngày thì bà S chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 10 ngày là 5.600 đồng x 10 = 56.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc

cho bà Sa vay góp là (1.000.000 đồng – 56.000 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **1.444.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà S vay là **5.662.400 đồng**.

18. Đối với Nguyễn Thị N (Sinh năm 1961, ngụ 84/8 N, Phường F, quận GV): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 12/3/2023, bà N gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị thu phí dịch vụ 500.000 đồng, thực nhận số tiền 4.500.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà N đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 30 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng. Tiếp theo, ngày 12/4/2023, bà N gặp H vay tiếp 3.000.000 đồng tiền đứng, bị thu phí dịch vụ 300.000 đồng, thực nhận số tiền 2.700.000 đồng, cộng khoản vay trước chưa trả nên tổng cộng khoản vay là 8.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 160.000đ/1 ngày, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà N đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 60 ngày với số tiền là 9.600.000 đồng. Tiếp theo, ngày 12/6/2023, bà N gặp H vay tiếp 2.000.000 đồng tiền đứng, bị thu phí dịch vụ 200.000 đồng, thực nhận số tiền 1.800.000 đồng, cộng khoản vay trước chưa trả nên tổng cộng khoản vay là 1.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 200.000đ/1 ngày, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà N đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 205 ngày với số tiền là 41.000.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024 thì bà N chưa tất toán tổng các khoản vay là 10.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà N chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 30 ngày là 2.800 đồng x 30 ngày = 84.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà N vay khoản tiền đứng trên là (3.000.000 đồng – 84.000 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **3.416.000 đồng**.

Đối với khoản vay đứng 8.000.000 đồng (gồm 3.000.000 đồng vay đứng mới bị trừ phí dịch vụ 300.000 đồng và khoản vay đứng ở trên), tiền lãi đóng 160.000đ/1 ngày thì bà N chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 4.480 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 60 ngày là 4.480 đồng x 60 ngày = 268.800 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H

từ việc cho bà N vay khoản tiền đứng trên là (9.600.000 đồng – 268.800 đồng) + 300.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **9.631.200 đồng**.

Đối với khoản vay đứng 10.000.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng vay đứng mới bị trừ phí dịch vụ 200.000 đồng và các khoản vay đứng ở trên), tiền lãi đóng 200.000đ/1 ngày thì bà N chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 205 ngày là 5.600 đồng x 205 ngày = 1.148.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà N vay khoản tiền đứng trên là (41.000.000 đồng – 1.148.000 đồng) + 200.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **40.052.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà N vay đứng là **53.099.200 đồng**.

19. Đối với Nguyễn Thị Hữu D (Sinh năm 1965, ngụ 9/56 V, Phường T, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 01/10/2023, bà D gặp H vay 30.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 600.000đ/1 ngày và bị thu phí dịch vụ 2.000.000 đồng, thực nhận số tiền 28.000.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà D đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 10 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng. Tiếp theo, ngày 11/10/2023, bà D gặp H vay tiếp 10.000.000 đồng tiền đứng, bị thu phí dịch vụ 1.000.000 đồng, thực nhận số tiền 9.000.000 đồng, cộng khoản vay trước chưa trả nên tổng cộng khoản vay là 40.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 800.000đ/1 ngày, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà D đã đóng tiền lãi khoản vay đứng này được 50 ngày với số tiền là 40.000.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024 thì bà D chưa tất toán tổng các khoản vay là 40.000.000 đồng.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 30.000.000 đồng, tiền lãi đóng 600.000đ/1 ngày thì bà D chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 16.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 10 ngày là 16.800 đồng x 10 ngày = 168.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà D vay khoản tiền đứng trên là (6.000.000 đồng – 168.000 đồng) + 2.000.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **7.832.000 đồng**.

Đối với khoản vay đứng 40.000.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng vay đứng mới bị trừ phí dịch vụ 1.000.000 đồng và khoản vay đứng ở trên), tiền lãi đóng 800.000đ/1 ngày thì bà D chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho

phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 22.400 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 50 ngày là 22.400 đồng x 50 ngày = 1.120.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà D vay khoản tiền đứng trên là (40.000.000 đồng – 1.120.000 đồng) + 1.000.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **39.880.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà D vay đứng là **47.712.000 đồng**.

20. Đối với Nguyễn Văn Thị H (Sinh năm 1982, ngụ 142E/54F CG, Phường T, quận PN): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua giới thiệu, ngày 10/12/2023, bà H gặp H vay góp 7.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 350.000 đồng, bị thu phí dịch vụ 700.000 đồng, bà H đã tắt toán khoản vay này, trả tiền gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi 1.750.000 đồng. Ngày 13/12/2023, bà H gặp H vay 3.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 60.000đ/1 ngày và không bị thu phí dịch vụ, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà H đã tắt toán khoản vay đứng này, đóng tiền lãi được 12 ngày với số tiền là 720.000 đồng. Tiếp tục, ngày 02/01/2024, bà H gặp H vay góp 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, bị thu phí dịch vụ 300.000 đồng, thực nhận số tiền 9.700.000 đồng, bà H đã góp được 01 ngày 500.000 đồng, trả tiền gốc 360.000 đồng và tiền lãi 140.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024 thì bà H đã trả gốc 10.360.000 đồng, còn 9.640.000 đồng tiền gốc chưa tắt toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm. Còn cho vay góp với lãi suất là 1%/1 ngày, tương đương 30%/1 tháng, 360%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với khoản H vay góp 7.000.000 đồng, mỗi ngày góp 350.000 đồng, thời hạn 25 ngày thì H chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 3.920 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 25 ngày là 3.920 đồng x 25 = 98.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho H vay góp là (1.750.000 đồng – 98.000 đồng) + 700.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **2.352.000 đồng**.

Đối với số tiền vay đứng 3.000.000 đồng, tiền lãi đóng 60.000đ/1 ngày thì H chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.680 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 12 ngày là 1.680 đồng x 12 ngày = 20.160 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho H vay khoản tiền đứng trên là (720.000 đồng – 20.160 đồng) = **699.000 đồng**.

Đối với khoản H vay góp 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, thời hạn 25 ngày thì H chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 01 ngày là 5.600 đồng x 1 = 5.600 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho H vay góp là (140.000 đồng – 5.600 đồng) + 300.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **434.400 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà H vay đứng và vay góp là **3.485.400 đồng**.

21. Đối với Nguyễn Thị P (Sinh năm 1964, ngụ 128/38/30 L, Phường O, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 22/11/2023, bà P gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà P đã đóng tiền lãi được 31 ngày với số tiền là 3.100.000 đồng. Khoản vay này bà P đã tắt toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000đ/1 ngày thì bà P chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 31 ngày là 2.800 đồng x 31 ngày = 86.800 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà P vay khoản tiền đứng trên là (3.100.000 đồng – 86.800 đồng) + 500.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **3.513.200 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà P vay đứng là **3.513.200 đồng**.

22. Đối với Nguyễn Thị Thu H (Sinh năm 1970, ngụ 122/1A TS, Phường F, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua bạn bè giới thiệu, ngày 15/11/2023, bà Hương gặp H vay 8.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 160.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 800.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 7.200.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Hương đã đóng tiền lãi được 31 ngày với số tiền là 4.960.000 đồng. Sau đó, ngày 16/12/2023, bà Hương gặp H vay 8.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và không bị trừ phí dịch vụ, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà Hương đã đóng tiền lãi được 18 ngày với số tiền là 1.800.000 đồng. Hiện bà Hương chưa tắt toán các khoản vay.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đúng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đúng 8.000.000 đồng, tiền lãi đúng 160.000đ/1 ngày thì bà Hương chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 4.480 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 31 ngày là 4.480 đồng x 31 ngày = 138.880 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Hương vay khoản tiền đúng trên là (4.960.000 đồng – 138.880 đồng) + 800.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **5.621.120 đồng**.

Đối với số tiền vay đúng 8.000.000 đồng, tiền lãi đúng 100.000đ/1 ngày thì bà Hương chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 4.480 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 18 ngày là 4.480 đồng x 18 ngày = 80.640 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Hương vay khoản tiền đúng trên là (1.800.000 đồng – 80.640 đồng) = **1.719.360 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà Hương vay đúng là **7.340.480 đồng**.

23. Đối với Nguyễn Ngọc M (Sinh năm 1978, ngụ 48/1 tổ 4, Khu phố 8, đường J, phường LD, TP. TD, TP.HCM): Do cần tiền kinh doanh buôn bán cây kiểng và thông qua bạn bè giới thiệu, tháng 5/2022, bà M gặp H vay 5.000.000 đồng tiền đúng, đóng tiền lãi 100.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà M đã đóng tiền lãi được 300 ngày với số tiền là 30.000.000 đồng. Khoản vay này bà M chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đúng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đúng 5.000.000 đồng, tiền lãi đúng 100.000đ/1 ngày thì bà M chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 300 ngày là

$2.800 \text{ đồng} \times 300 \text{ ngày} = 840.000 \text{ đồng}$. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà M vay khoản tiền đứng trên là $(30.000.000 \text{ đồng} - 840.000 \text{ đồng}) + 500.000 \text{đ}$ (tiền thu phí trái pháp luật) = **29.660.000 đồng**.

Với cách tính như trên, xác định tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà M vay đứng là **29.660.000 đồng**.

24. Đối với Chương Thị L (Sinh năm 1970, ngụ 68/121A K, Phường TĐ, quận 1, TP.HCM): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua người quen giới thiệu, ngày 03/8/2023, bà L gặp H vay 2.500.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 50.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 250.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 2.250.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà L đã đóng tiền lãi được 153 ngày với số tiền là 7.650.000 đồng. Khoản vay này bà L chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 2.500.000 đồng, tiền lãi đóng 50.000đ/1 ngày thì bà L chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.400 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 153 ngày là $1.400 \text{ đồng} \times 153 \text{ ngày} = 214.200 \text{ đồng}$. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà L vay khoản tiền đứng trên là $(7.650.000 \text{ đồng} - 214.200 \text{ đồng}) + 250.000 \text{đ}$ (tiền thu phí trái pháp luật) = **7.685.800 đồng**.

Với cách tính như trên, xác định tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà L vay đứng là **7.685.800 đồng**.

25. Đối với Lý Thị N (Sinh năm 1950, ngụ 68/313A K, Phường TĐ, quận O, TP.H): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua người quen giới thiệu, ngày 01/11/2023, bà N gặp H vay 4.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 80.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 400.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 3.600.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà N đã đóng tiền lãi được 62 ngày với số tiền là 4.960.000 đồng. Khoản vay này bà N chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao

nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 4.000.000 đồng, tiền lãi đóng 80.000đ/1 ngày thì bà Ngọc chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.240 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 62 ngày là 2.240 đồng x 62 ngày = 138.880 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà Ngọc vay khoản tiền đứng trên là (4.960.000 đồng – 138.880 đồng) + 400.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **5.221.120 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà N vay đứng là **5.221.120 đồng**.

26. Đối với Đỗ Thị Kim L (Sinh năm 1970, ngụ 122/8 TS, Phường F, quận BT): Do cần tiền trang trải cuộc sống và thông qua người quen giới thiệu, đầu tháng 4/2023, bà L gặp H vay 2.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 40.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 200.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 1.800.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà L đã đóng tiền lãi được 245 ngày với số tiền là 9.800.000 đồng và trả gốc 1.000.000 đồng. Sau đó, tháng 12/2023, bà L gặp H vay 1.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 20.000đ/1 ngày và không bị trừ phí dịch vụ, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà L đã đóng tiền lãi được 31 ngày với số tiền là 620.000 đồng. Hiện bà L đã trả tiền gốc được 1.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng tiền gốc chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 2.000.000 đồng, tiền lãi đóng 40.000đ/1 ngày thì bà L chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.120 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 245 ngày là 1.120 đồng x 245 ngày = 274.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà L vay khoản tiền đứng trên là (9.800.000 đồng – 274.400 đồng) + 200.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **9.725.600 đồng**.

Đối với số tiền vay đứng 1.000.000 đồng, tiền lãi đóng 20.000đ/1 ngày thì bà L chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 560 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 31 ngày là 560 đồng x 31 ngày = 17.360 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà L vay khoản tiền đứng trên là (620.000 đồng – 17.360 đồng) = **602.640 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà L vay đứng là **10.328.240 đồng**.

27. Đối với Thái Thị Kiều N (Sinh năm 1977, ngụ 220/46 H, Phường F, quận BT): Do cần tiền kinh doanh và thông qua bạn bè giới thiệu, tháng 5/2023, bà N gặp H vay 10.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 200.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 9.000.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà N đã đóng tiền lãi được 153 ngày với số tiền là 30.600.000 đồng. Sau đó, bà N gặp H vay tiếp 6.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 120.000đ/1 ngày và bị trừ phí dịch vụ 600.000 đồng, tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/01/2024, bà N đã đóng tiền lãi được 145 ngày với số tiền là 17.400.000 đồng. Hiện bà N đã trả tiền gốc được 7.600.000 đồng, còn 8.400.000 đồng tiền gốc chưa tất toán.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay đứng với lãi suất là 2%/1 ngày, tương đương 60%/1 tháng, 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với số tiền vay đứng 10.000.000 đồng, tiền lãi đóng 200.000đ/1 ngày thì bà N chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 153 ngày là 5.600 đồng x 153 ngày = 856.800 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà N vay khoản tiền đứng trên là (30.600.000 đồng – 856.800 đồng) + 1.000.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **30.743.200 đồng**.

Đối với số tiền vay đứng 6.000.000 đồng, tiền lãi đóng 120.000đ/1 ngày thì bà N chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 3.360 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 145 ngày là 3.360 đồng x 145 ngày = 487.200 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của H từ việc cho bà N vay khoản tiền đứng trên là (17.400.000 đồng – 487.200 đồng) + 600.000đ (tiền thu phí trái pháp luật) = **17.512.800 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho bà N vay đứng là **48.256.000 đồng**.

28. Đối với Trương A H (Sinh năm 1972, ngụ 48B Nguyễn Huy Lượng, Phường 14, quận Bình Thạnh): Do cần tiền xây nhà, ngày 02/12/2019, bà H gặp H vay góp 55.000.000 đồng, trả góp trong vòng 365 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng, không có thu phí dịch vụ, đến ngày 31/3/2020 bà H đã trả góp được 121 ngày với số tiền 36.300.000 đồng, trong đó trả gốc 18.232.877 đồng và trả lãi 18.067.123 đồng, bà H gặp H xin không trả góp nữa vì không còn khả năng, xin H cho trả dần tiền gốc không tính lãi và H đồng ý. Hiện bà H đã tất toán xong khoản vay góp.

Như vậy, nhóm H, N đã cho vay góp với lãi suất là 0,27%/1 ngày, tương đương 8,1%/1 tháng, 97,2%/1 năm.

Như vậy, nhóm H, N cho bà H vay lãi suất chỉ cao gấp 4,86 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự nên hành vi H, N không phạm tội trong việc cho bà H vay tiền, do đó, không tính H, N thu lợi bất chính trong việc cho bà H vay tiền.

Đối với các người vay: Nguyễn Kim Phượng (Sinh năm 1971, ngụ 82/33 Nguyễn Công Trứ, phường 19, quận Bình Thạnh), Phan Thị Cẩm Hồng (Sinh năm 1969, ngụ 100 Nguyễn Văn Đậu, phường 7, quận Bình Thạnh), Đoàn Thị Lang (Sinh năm 1954, ngụ 43/51 Điện Biên phủ, phường 15, quận Bình Thạnh): Quá trình điều tra, các người vay Phượng, Lang và Hồng khai không nhớ cách thức vay, số tiền lãi đã đóng và thời gian vay tiền của nhóm H, N, mặt khác nhóm bị can H, N khai cũng không nhớ các khoản vay của những người này. Do không thu thập được tài liệu chứng minh các khoản vay trên nên cơ quan điều tra không đủ cơ sở xác định tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho các người này vay tiền.

Đối với 04 hồ sơ người vay tiền còn lại, qua xác minh những người vay đã bỏ địa P đi đâu không rõ gồm: Trương A Hồng (địa chỉ 48D Nguyễn Huy Lượng, phường 14, quận Bình Thạnh); Trần Công Phúc (địa chỉ 35/40 Nguyễn Xuân Ôn, phường 2, quận Bình Thạnh); Lê Thị P T (địa chỉ 278/36 Đồng Đa, phường 2, quận Bình Thạnh); Nguyễn Thanh Vy (địa chỉ 300 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh). Cơ quan CSĐT đã tiến hành đăng báo truy tìm nhưng đến nay chưa làm việc được.

Cơ quan điều tra đã lập bảng thống kê tính lãi suất đối với các khoản vay giữa các người vay tiền với đối tượng cho vay Đặng Thị H và bà Đặng Thị H xác nhận là đúng. Kết quả bà H cho các người vay trên vay tiền thu lợi bất chính tổng cộng là 421.838.840 đồng.

Qua nhận dạng ảnh, các người vay tiền đều nhận dạng được ảnh của Đặng Thị H và Tô Bá N chính là đối tượng tổ chức cho vay lãi nặng.

Kết quả điều tra, xác định: Bà Đặng Thị H cho vay với lãi suất 180% đến 720%/01 năm. Như vậy, bà H cho vay lãi suất cao gấp 09 đến 36 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Thị H và Tô Bá N đã thừa nhận hành vi cấu kết hoạt động cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính như đã nêu trên. Bị cáo Đặng Thị H xác định chỉ có cấu kết cùng Tô Bá N hoạt động cho vay lãi nặng, ngoài ra không cấu kết cùng với ai khác. Vợ chồng anh Phan Văn Ánh và Thiệu Kim Hoàng hoàn T không biết và không có tham gia cùng Đặng Thị H và Tô Bá N trong hoạt động cho vay lãi nặng.

- Đối với vợ chồng Phan Văn Ánh, Thiệu Kim Hoàng khai: Thông qua người quen giới thiệu, từ năm 2002 vợ chồng Ánh thuê Đặng Thị H làm công việc giúp việc nhà và trông coi con nhỏ tại số 157/13/52E Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, H được trả lương hàng tháng và bao ăn ở tại nhà, mức lương ban đầu của H là 2.500.000 đồng/01 tháng, sau đó tăng dần lên 6.000.000 đồng/01 tháng. Thời

gian sau này, con của vợ chồng Ánh đều đã lớn hết thì H có xin vợ chồng Ánh ra ngoài làm thêm, vợ chồng Ánh đồng ý nhưng không biết H ra ngoài làm thêm việc gì. Vợ chồng Ánh xác định việc H hoạt động cho vay lãi nặng thì vợ chồng Ánh không biết, không có tham gia và cũng không có cung cấp tiền để H hoạt động cho vay lãi nặng.

Tại bản Cáo trạng số: 280/CT-VKS-QBTh ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N đã khai nhận quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, các bị cáo hoàn T tự nguyện khai báo, không ai ép buộc các bị cáo khai không đúng với ý chí của các bị cáo. Các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đồng thời các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố. Các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời nói sau cùng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm: Bà Phan Thị Bích C; Lý Hoàng N; Nguyễn Thị N; Nguyễn Minh Thu H; Trần Thị Thu T; Bùi Thị Ngọc M; Hồ Thị Ngọc M; Cao Văn S; Trần Thị C; Trang M Hạnh; Nguyễn Thị Kim N; Nguyễn Trọng T; Trần Thị M T; Nguyễn Thị Cẩm T; M Thị Xuân Tr; Trần Thị Thanh T; Huỳnh Ngọc M S; Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Hữu D; Nguyễn Văn Thị H; Nguyễn Thị P; Nguyễn Thị Thu H; Nguyễn Ngọc M; Chương Thị L; Lý Thị N; Đỗ Thị Kim L; Thái Thị Kiều N và Trương A H đã được Tòa án triệu tập hợp L đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không thông báo lý do vắng mặt. Qua nghiên cứu hồ sơ thể hiện đã ghi nhận đầy đủ ý kiến, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đầy đủ, rõ ràng. Do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hành quyền công tố trình bày quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã giữ N quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3, Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đặng Thị H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 07/01/2024. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo 100.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Tô Bá N 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 07/01/2024. Không phạt bổ sung bị cáo Tô Bá N. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định.

Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N - Luật sư Lê Doãn Tuấn - Thuộc Văn phòng Luật sư Lê Doãn Tuấn và cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh trình bày bài luận cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo như sau:

Luật sư thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với phần luận tội Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã áp dụng đối với hai bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N. Tuy nhiên Luật sư đưa ra thêm các tình tiết sau đây đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc để giảm nhẹ tình phạt cho hai bị cáo như sau:

Bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình đã gây ra. Các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N đều có nhân thân tốt, chưa bị kết án phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trước phiên tòa ngày hôm nay diễn ra các bị cáo đã nộp lại mỗi bị cáo 20.000.000 đồng số tiền thu lợi bất chính để khắc phục một phần hậu quả của mình đã gây ra; ngoài ra bị cáo Đặng Thị H hiện nay đã lớn tuổi, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên mức hiểu biết về pháp luật còn hạn chế; Gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo Tô Bá N là cháu nội Liệt sĩ Tô Bá Thứ. Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Kiều N, bà Hồ Thị Ngọc M, bà Võ Thị H, bà Trần Thị M T, bà Trần Thị C nộp đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N.

Theo chính sách nhân đạo của Nhà nước ta xét giảm án cho các bị án, bị cáo nhân các dịp lễ lớn trong năm, đặc biệt những ngày tết cổ truyền của dân tộc nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo sớm về gia đình sớm hòa nhập cuộc sống cộng đồng. Các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N tính đến nay xét xử đã bị tạm giam hơn 01 năm, quá trình tạm giam các bị cáo chấp hành tốt các quy định tại nơi giam giữ, các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu tiên bị kết án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, kết hợp với chính sách KHN hồng của Nhà nước, chính sách nhân đạo của Nhà nước để xét xử các bị cáo mức án bằng với thời gian tạm giam, tạm giữ cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh giữ N quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều khoản đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng như đã nêu là đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N khai nhận đã thực hiện các hành vi như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo khai nhận quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, các bị cáo hoàn toàn tự nguyện khai báo, không bị ép buộc khai không đúng với ý chí của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, biên bản đối chất, biên bản thu giữ vật chứng, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến năm 2024 bị cáo Đặng Thị H thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo Đặng Thị H là người trực tiếp kiểm tra lai lịch của người vay trực tiếp đưa tiền cho người vay và trực tiếp đi thu tiền, đến khoảng năm 2021 bị cáo Đặng Thị H nhờ Tô Bá N đi thu tiền vay và trả tiền công cho Tô Bá N khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Cách thức cho vay khi người có nhu cầu vay tiền thì điện thoại trực tiếp hoặc thông qua người khác giới thiệu đến gặp Đặng Thị H để vay tiền bằng hai hình thức vay góp và vay đứng, lãi suất vay trả góp và vay đứng dao động trong khoảng 15% đến 60%/tháng.

Bị cáo Đặng Thị H cho tổng cộng 27 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm: Bà Phan Thị Bích C; Lý Hoàng N; Nguyễn Thị N; Nguyễn Minh Thu H; Trần Thị Thu T; Bùi Thị Ngọc M; Hồ Thị Ngọc M; Cao Văn S; Trần Thị C; Trang M Hạnh; Nguyễn Thị Kim N; Nguyễn Trọng T; Trần Thị M T; Nguyễn Thị Cẩm T; M Thị Xuân Tr; Trần Thị Thanh T; Huỳnh Ngọc M S; Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Hữu D; Nguyễn Văn Thị H; Nguyễn Thị P; Nguyễn Thị Thu H; Nguyễn Ngọc M; Chương Thị L; Lý Thị N; Đỗ Thị Kim L; Thái Thị Kiều N vay nhiều lần dưới 02 hình thức vay góp và vay đứng, trong đó với lãi suất vay đứng là 720%/năm; 60%/tháng và 2%/ngày. Lãi suất vay góp là 360%/năm; 30%/tháng và 1%/ngày.

Như vậy, bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vay với lãi suất cao gấp từ 09 đến 36 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Quá trình cho vay bị cáo Đặng Thị H đã thu được tổng cộng 421.838.840 đồng tiền lãi và các khoản phí trái pháp luật. Trong các lần cho vay

bị cáo Đặng Thị H có nhiều lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, nhiều lần còn lại bị cáo Đặng Thị H đều thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng. Bị cáo Tô Bá N giúp sức cho Đặng Thị H bằng cách đi thu tiền vay cho H và được H trả tiền công 9.000.000 đồng/tháng. Các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của Đặng Thị H và Tô Bá N đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N cho vay tiền với mức lãi suất cao gấp 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 421.838.840 đồng (bốn trăm hai một triệu tám trăm ba mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi đồng). Trong đó, có nhiều lần cho vay thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, có nhiều lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng, có 01 lần cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương A H vay với lãi suất chỉ cao gấp 4,86 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, nên hành vi của các bị cáo không phạm tội trong việc cho Trương A H vay. Như vậy, hành vi của bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[11] Hành vi của các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an T xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa P. Do đó Hội đồng xét xử cần xem xét xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[12] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N: Các bị cáo cho vay tiền và có nhiều lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[13] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu tiên bị kết án, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Đặng Thị H đã lớn tuổi và có trình độ học vấn thấp 1/12 nên hiểu biết về pháp luật còn hạn chế; Gia đình bị cáo Tô Bá N có công với cách mạng, bị cáo Tô Bá N là cháu nội Liệt sĩ Tô Bá Thứ. Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Kiều N, bà Hồ Thị Ngọc M, bà Võ Thị H, bà Trần Thị M T, bà Trần Thị C nộp đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N. Trước phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã động viên gia đình nộp đơn xin khắc phục một phần hậu quả và đã nộp lại mỗi bị cáo 20.000.000 đồng số tiền thu lợi bất chính để khắc phục một phần hậu quả của mình đã gây, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002320 ngày 14/01/2025 và

biên lai 0002321 ngày 16/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo nêu trên, kết hợp với chính sách kHn hồng của pháp luật, nhằm giáo dục là chính để giảm nhẹ cho các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N một phần hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[14] Về quyết định hình phạt:

Các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, chưa có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, trong đó bị cáo Đặng Thị H có vai trò chính, còn bị cáo Tô Bá N có vai trò giúp sức tích cực trong việc thu tiền cho vay. Tuy nhiên trong hoạt động cho vay các bị cáo không đe dọa, uy hiếp tinh thần của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không thuộc trường hợp có tổ chức và băng nhóm, không có tính chất chuyên nghiệp, trên cơ sở xem xét T diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Thấy rằng, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, động cơ, mục đích phạm tội là vụ lợi.

[15] Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N đã bị tạm giam 01 (một) năm 09 (chín) ngày tù. Trong khoảng thời gian tạm giam này các bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, đã nhận thức được việc làm của mình là sai trái và vi phạm pháp luật và cam kết sẽ không bao giờ tái phạm. Xét tính chất, mức độ của tội phạm được thực hiện trong vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích phạm tội là vụ lợi, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Xét tính chất nhân đạo của Nhà nước về tha tù trước thời hạn, tạo điều kiện cho các bị cáo trong các ngày lễ lớn của đất nước, đặc biệt Tết N đán của dân tộc đối với các trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, lần đầu tiên bị kết án, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, chấp hành tốt quá trình giam giữ.

Xét thấy, các bị cáo đã bị tạm giam một thời gian, cũng đủ để răn đe, nên không cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt bằng với thời gian tạm giữ tạm giam là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo, không nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an T xã hội tại địa P cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Ngoài ra cũng tạo điều kiện cho các bị cáo sớm có cuộc sống ổn định, bình thường ngoài xã hội, sớm hòa nhập cuộc sống cộng đồng.

[16] Căn cứ vào N tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính. Tuy nhiên trong vụ án này các bị cáo đã bị tạm giam tính đến ngày xét xử 01 (một) năm 09 (chín) ngày tù nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính với các bị cáo. Do đó, để đảm bảo tuân thủ N tắc và

nhằm thu hồi các khoản tiền vi phạm cho Ngân sách Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung với bị cáo Đặng Thị H là đúng theo quy định của pháp luật.

[17] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo phạm tội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tiền tệ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Do đó phạt bổ sung bị cáo Đặng Thị H số tiền 100.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Tô Bá N có hoàn cảnh khó khăn và vai trò giúp sức trong vụ án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[18] Đối với các đối tượng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác được xử lý như sau:

- Đối với Trương A H (Sinh năm 1972, ngụ 48B Nguyễn Huy Lượng, phường 14, quận Bình Thạnh): Do cần tiền xây nhà, ngày 02/12/2019, bà H gặp H vay góp 55.000.000 đồng, trả góp trong vòng 365 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng, không có thu phí dịch vụ, đến ngày 31/3/2020 bà H đã trả góp được 121 ngày với số tiền 36.300.000 đồng, trong đó trả gốc 18.232.877 đồng và trả lãi 18.067.123 đồng, bà H gặp H xin không trả góp nữa vì không còn khả năng, xin H cho trả dần tiền gốc không tính lãi và H đồng ý. Hiện bà H đã tắt toán xong khoản vay góp. Như vậy, nhóm H, N đã cho vay góp với lãi suất là 0,27%/1 ngày, tương đương 8,1%/1 tháng, 97,2%/1 năm.

Như vậy, nhóm H, N cho bà H vay lãi suất chỉ cao gấp 4,86 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự nên hành vi H, N không cấu thành tội phạm.

- Đối với các người vay: Nguyễn Kim Phụng (Sinh năm 1971, ngụ 82/33 Nguyễn Công Trứ, phường 19, quận Bình Thạnh), Phan Thị Cẩm Hồng (Sinh năm 1969, ngụ 100 Nguyễn Văn Đậu, phường 7, quận Bình Thạnh), Đoàn Thị Lang (Sinh năm 1954, ngụ 43/51 Điện Biên phủ, phường 15, quận Bình Thạnh): Quá trình điều tra, các người vay Phụng, Lang và Hồng khai không nhớ cách thức vay, số tiền lãi đã đóng và thời gian vay tiền của nhóm H, N, mặt khác nhóm bị can H, N khai cũng không nhớ các khoản vay của những người này. Do không thu thập được tài liệu chứng minh các khoản vay trên nên cơ quan điều tra không đủ cơ sở xác định tổng số tiền mà nhóm H, N thu lợi bất chính từ việc cho các người này vay tiền.

- Đối với 04 hồ sơ người vay tiền còn lại, qua xác minh những người vay đã bỏ địa P đi đâu không rõ gồm: Trương A Hồng (địa chỉ 48D Nguyễn Huy Lượng, phường 14, quận Bình Thạnh); Trần Công Phúc (địa chỉ 35/40 Nguyễn Xuân Ôn, phường 2, quận Bình Thạnh); Lê Thị P T (địa chỉ 278/36 Đồng Đa, phường 2, quận Bình Thạnh); Nguyễn Thanh Vy (địa chỉ 300 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh). Cơ quan CSĐT đã tiến hành đăng báo truy tìm nhưng đến nay chưa làm việc được.

- Đối với các đối tượng Phan Văn Ánh, Thiệu Thị Kim Hoàng quá trình điều tra xác định không biết, không tham gia cùng và không liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng của Đặng Thị H, nên không có cơ sở xem xét.

Do đó, đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên hiện nay chưa có tài liệu, chứng cứ làm rõ được, nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh tiếp tục điều tra, xác minh theo quy định, nếu vi phạm pháp luật hình sự thì giải quyết theo quy định, nhằm tránh bỏ lọt tội phạm.

[20] Biện pháp tư pháp:

[21] Theo Điều 5 xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử lý như sau:

Đối với số tiền gốc các bị cáo đã nhận lại từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xác định đây là P tiền phạm tội, nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người liên quan trả cho các bị cáo, thì các bị cáo phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách. Khoản tiền gốc nào người liên quan chưa trả cho các bị cáo thì cần buộc người liên quan đó phải có trách nhiệm nộp vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bích C vay 02 đợt, tổng tiền gốc vay là 7.000.000 đồng. Bà Phan Thị Bích C chưa trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 7.000.000 đồng, do đó bà Phan Thị Bích C có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc 7.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Hoàng N vay 01 đợt, tổng số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng. Bà Lý Hoàng N chưa trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 10.000.000 đồng, do đó bà Lý Hoàng N có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

3. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N vay 01 đợt, tổng số tiền gốc vay là 6.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N chưa trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N tổng cộng là 6.000.000 đồng, do đó bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 6.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

4. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Minh Thu H vay 01 đợt, tổng số tiền gốc vay là 5.000.000 đồng. Bà Nguyễn Minh Thu H chưa trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 5.000.000 đồng, do đó bà Nguyễn Minh Thu H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 5.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

5. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu T vay 01 đợt, tổng số tiền gốc vay là 5.000.000 đồng. Bà Trần Thị Thu T đã trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 1.800.000 đồng, do đó bà Trần Thị

Thu T có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 3.200.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc đã nhận 1.800.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

6. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị M Ngọc vay 01 đợt, tổng số tiền gốc vay là 5.000.000 đồng. Bà Bùi Thị Ngọc M chưa trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 5.000.000 đồng, do đó bà Bùi Thị Ngọc M có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 5.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

7. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Ngọc M vay 01 đợt, tổng số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng. Bà Hồ Thị Ngọc M đã trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 6.000.000 đồng, do đó bà Hồ Thị Ngọc M có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 4.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc đã 6.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

8. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn S vay đứng 02 đợt, tổng số tiền gốc là 13.000.000 đồng. Ông Cao Văn S chưa trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 13.000.000 đồng, do đó ông Cao Văn S có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 13.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

9. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C vay 01 đợt, tổng số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Bà Trần Thị C đã trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 3.000.000 đồng, do đó bà Trần Thị C có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 2.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc đã 3.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

10. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trang M Hạnh vay 01 đợt, tổng số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Bà Trang M Hạnh chưa trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 10.000.000 đồng, do đó bà Trang M Hạnh có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 10.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

11. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N vay 01 đợt, tổng số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim N chưa trả lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 5.000.000 đồng, do đó bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 5.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

12. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T vay 01 đợt, tổng số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Ông Nguyễn Trọng T chưa trả

lại số tiền gốc cho các bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 5.000.000 đồng, do đó ông Nguyễn Trọng T có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 5.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

13. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M T vay 01 đợt, tổng số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Bà Trần Thị M T chưa trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 5.000.000 đồng, do đó bà Trần Thị M T có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 5.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

14. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm T vay 01 đợt, tổng số tiền gốc là 15.000.000 đồng Bà Nguyễn Thị Cẩm T đã tất toán xong khoản vay trả cho bà Đặng Thị H số tiền 15.000.000 đồng. Do đó bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 15.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

15. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M Thị Xuân Tr vay 01 đợt, tổng số tiền gốc là 2.500.000 đồng Bà M Thị Xuân Tr chưa trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 2.500.000 đồng, do đó bà M Thị Xuân Tr có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 2.500.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

16. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh T vay 03 đợt, tổng số tiền gốc là 19.000.000 đồng. Bà Trần Thị Thanh T đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 10.000.000 đồng, do đó bà Trần Thị Thanh T có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc còn lại là 9.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc đã 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

17. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Ngọc M S vay 02 đợt, tổng số tiền gốc là 15.000.000 đồng. Bà Huỳnh Ngọc M S đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 10.800.000 đồng, do đó bà Huỳnh Ngọc M S có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc còn lại là 4.200.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc đã 10.800.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

18. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N vay 03 đợt tổng tiền gốc vay là 10.000.000 đồng: Bà Nguyễn Thị N chưa trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 10.000.000 đồng, do đó bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 10.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

19. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hữu D vay 02 đợt tổng tiền gốc vay là 40.000.000 đồng: Bà Nguyễn Thị Hữu chưa trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 40.000.000 đồng, do đó bà Nguyễn

Thị Hữu D có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 40.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

20. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Văn Thị H vay 03 đợt tổng tiền gốc vay là 20.000.000 đồng. Bà Nguyễn Văn Thị H đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 10.360.000 đồng, do đó bà H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc còn lại là 9.640.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc đã 10.360.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

21. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P vay 01 đợt tổng tiền gốc vay là 5.000.000 đồng: Bà Nguyễn Thị P đã tắt toán trả lại T bộ số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 5.000.000 đồng, do đó bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 5.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

22. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H vay 02 đợt tổng tiền gốc vay là 16.000.000 đồng: Bà Hương chưa trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 16.000.000 đồng, do đó bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 16.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

23. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc M vay 01 đợt tổng tiền gốc vay là 5.000.000 đồng: Bà M chưa trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 5.000.000 đồng, do đó bà Nguyễn Ngọc M có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 5.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

24. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L vay 01 đợt tổng tiền gốc vay là 2.500.000 đồng: Bà L chưa trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 2.500.000 đồng, do đó bà Trương Thị L có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 2.500.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

25. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị N vay 01 đợt tổng tiền gốc vay là 4.000.000 đồng: Bà Ngọc chưa trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 4.000.000 đồng, do đó bà Lý Thị N có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 4.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước.

26. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim L vay 02 đợt tổng tiền gốc vay là 3.000.000 đồng. Bà L đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 1.000.000 đồng, do đó bà L có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc còn lại là 2.000.000 đồng đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc đã 1.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

27. Đối với khoản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Kiều N vay 02 đợt tổng tiền gốc vay là 16.000.000 đồng. Bà N đã trả lại số tiền gốc

cho bị cáo Đặng Thị H tổng cộng là 7.600.000 đồng, do đó bà N có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc còn lại 8.400.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo Đặng Thị H có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc đã 7.600.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

28. Đối với khoản tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương A H: Qua điều tra xác định bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N cho bà Trương A H vay lãi suất cao gấp 4,86 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, nên Đặng Thị H và Tô Bá N không phạm tội, việc vay mượn đã tất toán xong, nên Hội đồng xét xử không xét.

[22] Theo Điều 5 xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử lý như sau:

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế thu của người vay tiền, xác định những người vay tiền đều vay tiền với mục đích hợp pháp. Do đó, cần buộc các bị cáo có trách nhiệm trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo đã thu trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) thì cần buộc bị cáo nộp để sung công quỹ Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội. Cụ thể được xử lý như sau:

1. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H tội thực tế thu của người vay tiền bà Phan Thị Bích C là 7.578.960 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bích C số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 7.578.960 đồng (Bảy triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bích C trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 201.040 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 201.040 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm bị cáo Đặng Thị H tội thực tế thu của người vay tiền bà Lý Hoàng N là 3.527.200 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Hoàng N số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 3.527.200 đồng (ba triệu năm trăm hai bảy ngàn hai trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Hoàng N trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy

định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 72.800 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 72.800 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

3. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Thị N là 7.948.320 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 7.948.320 đồng (bảy triệu chín trăm bốn tám ngàn ba trăm hai mươi đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 211.680 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 211.680 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

4. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Minh Thu H là 3.707.600 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Minh Thu H số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 3.707.600 đồng (ba triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Minh Thu H trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 92.400 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 92.400 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

5. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Trần Thị Thu T là 3.829.600 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 3.829.600 đồng (ba triệu tám trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu T trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 120.400 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 120.400 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

6. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Bùi Thị Ngọc M là 9.636.800 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc M số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 9.636.800 đồng (Chín triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc M trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất

quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 263.200 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 263.200 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

7. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Hồ Thị Ngọc M là 30.743.200 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Ngọc M số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 30.743.200 đồng (ba mươi triệu bảy trăm bốn ba ngàn hai trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Ngọc M trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 856.800 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 856.800 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

8. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền ông Cao Văn S là 22.033.600 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn S số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 22.033.600 đồng (hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn S trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 596.400 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 596.400 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

9. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Trần Thị C là 9.578.480 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 9.578.480 đồng (chín triệu năm trăm bảy tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 261.520 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 261.520 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

10. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Trang M Hạnh là 9.748.000 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trang M Hạnh số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 9.748.000 đồng (chín triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trang M Hạnh trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất

quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 252.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 252.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

11. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Thị Kim N là 2.541.200 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 2.541.200 đồng (hai triệu năm trăm bốn một ngàn hai trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 58.800 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 58.800 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

12. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền ông Nguyễn Trọng T là 2.735.600 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 2.735.600 đồng (hai triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 64.400 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 64.400 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

13. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Trần Thị M T là 10.025.600 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 10.025.600 đồng (mười triệu không trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M T trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 274.400 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 274.400 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

14. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Thị Cẩm T là 17.538.000 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 17.538.000 đồng. (mười bảy triệu năm trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm T trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao

nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 462.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 462.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

15. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà M Thị Xuân Tr là 2.478.600 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M Thị Xuân Tr số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 2.478.600 đồng. (hai triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M Thị Xuân Tr trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 71.400 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 71.400 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

16. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Trần Thị Thanh T là 56.254.240 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 56.254.240 đồng. (năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 1.565.760 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 1.565.760 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

17. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Huỳnh Ngọc M S là 5.662.400 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc M S số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 5.662.400 đồng. (năm triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc M S trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 187.600 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 187.600 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

18. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Thị N là 53.099.200 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 53.099.200 đồng. (năm mươi ba triệu không trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất

quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 1.500.800 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 1.500.800 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

19. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Thị Hữu D là 47.712.000 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hữu D số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 47.712.000 đồng. (bốn mươi bảy triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hữu D trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 1.288.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 1.288.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

20. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Văn Thị H là 3.485.400 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Văn Thị H số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 3.485.400 đồng. (ba triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Văn Thị H trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 123.760 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 123.760 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

21. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Thị P là 3.513.200 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 3.513.200 đồng. (ba triệu năm trăm mười ba ngàn hai trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 86.800 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 86.800 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

22. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Thị Thu H là 7.340.480 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 7.340.480 đồng. (bảy triệu ba trăm bốn mươi ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao

nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 219.520 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 219.520 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

23. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Nguyễn Ngọc M là 29.660.000 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc M số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 29.660.000 đồng. (hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc M trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 840.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 840.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

24. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Chương Thị L là 7.685.800 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chương Thị L số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 7.685.800 đồng. (bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn tám trăm đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chương Thị L trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 214.200 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 214.200 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

25. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Lý Thị N là 5.221.120 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Ngọc số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 5.221.120 đồng. (năm triệu hai trăm hai mươi ngàn một trăm hai mươi đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị N trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 138.800 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 138.800 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

26. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Đỗ Thị Kim L là 10.328.240 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim L số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 10.328.240 đồng. (Mười triệu ba trăm hai mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim L trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất

quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 291.760 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 291.760 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

27. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội bị cáo Đặng Thị H thực tế thu của người vay tiền bà Thái Thị Kiều N là 48.257.000 đồng. Nên buộc bị cáo Đặng Thị H cho trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Kiều N số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 48.257.000 đồng. (Bốn mươi tám triệu hái trăm năm bảy ngàn đồng).

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Đặng Thị H đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Kiều N trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) là 1.344.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền 1.344.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

28. Đối với khoản tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương A H: Qua điều tra xác định bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N cho bà Trương A H vay lãi suất cao gấp 4,86 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, nên Đặng Thị H và Tô Bá N không thu lợi bất chính, không phạm tội, việc vay mượn đã tất toán xong, nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện gia đình bị cáo Đặng Thị H và gia đình bị cáo Tô Bá N mỗi bị cáo đóng số tiền thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng để khắc phục một phần tiền thu lợi bất chính theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002320 ngày 14/01/2025 và biên lai thu tiền tạm ứng số 0002321 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa bị cáo Tô Bá N thừa nhận và Đặng Thị H khai nhận, quá trình đi đòi nợ cho Đặng Thị Hòa, bị cáo Tô Bá N được Đặng Thị H trả tiền công nhưng không đều. Tuy nhiên, bị cáo N thực nhận khoảng 15 tháng, mỗi tháng 9.000.000 đồng. Do đó, bị cáo đồng ý tự nguyện nộp lại tổng số tiền thu lợi bất chính là 135.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[24] Về xử lý vật chứng:

*Thu giữ từ bị cáo Đặng Thị H:

- Thu giữ khi kiểm tra hành chính:

+ 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu đen: Đây là điện thoại mà bị cáo H sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng. Là vật chứng của vụ án, bị cáo dùng vào mục đích phạm tội, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ 02 cuốn sổ tay màu xanh: Đây là tài liệu mà bị cáo H dùng ghi thông tin người vay, các khoản vay để hoạt động cho vay lãi nặng. Là vật chứng của vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu hồ sơ vụ án.

+ 01 giấy vay tiền tên Nguyễn Văn Thị H. Là vật chứng của vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu hồ sơ vụ án.

+ 22 căn cước công dân của người vay tiền thế chấp gồm: Nguyễn Thị Hữu D, Trần Thị Thu T, M Thị Xuân Tr, Trần Thị C, Hồ Thị Ngọc M, Trang M Hạnh, Bùi Thị Ngọc M, Thái Thị Kiều N, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Minh Thu H, Nguyễn Văn Thị H, Nguyễn Thị N, Cao Văn S, Trương A H, Nguyễn Kim P, Trần Thị M T, Huỳnh Ngọc M S, Đỗ Thị Kim L, Lý Thị N, Nguyễn Ngọc M, Phan Thị Bích C và Chương Thị L: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là các người vay tiền nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

- Thu giữ khi khám xét nơi ở:

+ 20 giấy mượn tiền có ghi tên người vay nhưng không có lai lịch, không có địa chỉ, không có chữ ký của người vay; 30 mẫu giấy mượn tiền không ghi thông tin gì (biểu mẫu); 03 giấy mượn tiền có chữ ký, không rõ địa chỉ, không rõ thời gian của người vay có tên sau: Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Hạnh, Huỳnh Thị L Phú; 01 giấy mượn tiền có chữ ký, không rõ địa chỉ, không rõ thời gian, không có tên người vay; 04 giấy mượn tiền có tên người vay, có chữ ký, có địa chỉ cụ thể: Trương A Hồng (địa chỉ 48D Nguyễn Huy Lượng, phường 14, quận Bình Thạnh); Trần Công Phúc (địa chỉ 35/40 Nguyễn Xuân Ôn, phường 2, quận Bình Thạnh); Lê Thị P T (địa chỉ 278/36 Đồng Đa, phường 2, quận Bình Thạnh); Nguyễn Thanh Vy (địa chỉ 300 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh). Qua xác minh những người vay này không có mặt tại địa chỉ trên; 02 cuốn sổ tay ghi nợ nội dung ghi những khoản vay tiền của người vay không rõ lai lịch. Là vật chứng của vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

*Thu giữ từ bị can Tô Bá N:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, đây là điện thoại mà bị cáo N sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng. Là vật chứng của vụ án, bị cáo dùng vào mục đích phạm tội, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[25] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 327, khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

1.1. Xử phạt bị cáo Đặng Thị H 01 (một) năm 09 (chín) ngày tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2024

1.2. Tuyên bố trả tự do Ny tại phiên tòa cho bị cáo Đặng Thị H do bị cáo có thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.3. Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Đặng Thị H 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 327, khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

2.1. Xử phạt bị cáo Tô Bá N 01 (một) năm 09 (chín) ngày tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2024

Tuyên bố trả tự do Ny tại phiên tòa cho bị cáo Tô Bá N do bị cáo có thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

3.1. Buộc bị cáo Đặng Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại khoản tiền gốc của các khoản cho vay để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Buộc bị cáo Đặng Thị H nộp lại số tiền gốc đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung công quỹ Nhà nước gồm: bà Trần Thị Thu T số tiền là 1.800.000 đồng; bà Hồ Thị Ngọc M là 6.000.000 đồng; bà Trần Thị C là 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Cẩm T là 15.000.000 đồng; bà Trần Thị Thanh T là 10.000.000 đồng; bà Huỳnh Ngọc M S là 10.800.000 đồng; bà Nguyễn Văn Thị H là 10.360.000 đồng; bà Nguyễn Thị P là 5.000.000 đồng; bà Đỗ Thị Kim L là 1.000.000 đồng và bà Thái Thị Kiều N là 7.600.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo Đặng Thị H phải nộp lại số tiền gốc đã thu của các khoản cho vay để sung công quỹ Nhà nước là: 70.560.000 đồng (bảy mươi triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay để sung công quỹ Nhà nước gồm: buộc bà Bà Phan Thị Bích C nộp số tiền là 7.000.000 đồng; buộc bà Lý Hoàng N nộp lại số tiền là 10.000.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị N nộp lại số tiền là 6.000.000 đồng; buộc bà Trần Thị Thu T nộp lại số tiền 3.200.000 đồng; buộc bà Bùi Thị Ngọc M nộp lại số tiền 5.000.000 đồng; buộc bà Hồ Thị Ngọc M nộp L số tiền 4.000.000 đồng; buộc ông Cao Văn S nộp lại số tiền 13.000.000 đồng; buộc bà Trần Thị C nộp lại số tiền 2.000.000 đồng; buộc bà Trang M Hạnh nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị Kim N nộp lại số tiền là

5.000.000 đồng; Buộc ông Nguyễn Trọng T nộp lại số tiền là 5.000.000 đồng; Buộc bà Trần Thị M T nộp lại số tiền là 5.000.000 đồng; Buộc bà M Thị Xuân Tr nộp lại số tiền là 2.500.000 đồng; buộc bà Trần Thị Thanh T nộp lại số tiền là 9.000.000 đồng; buộc bà Huỳnh Ngọc M S nộp lại số tiền là 4.200.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị N nộp lại số tiền là 10.000.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị Hữu D nộp lại số tiền là 40.000.000 đồng; buộc bà Nguyễn Văn Thị H nộp lại số tiền là 9.640.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị Thu H nộp lại số tiền là 16.000.000 đồng; buộc bà Nguyễn Ngọc M nộp lại số tiền là 5.000.000 đồng; buộc bà Chương Thị L nộp lại số tiền là 2.500.000 đồng; buộc bà Lý Thị N nộp lại số tiền là 4.000.000 đồng; buộc bà Đỗ Thị Kim L nộp lại số tiền là 2.000.000 đồng; buộc bà Thái Thị Kiều N nộp lại số tiền là 8.400.000 đồng.

Tổng cộng buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên phải nộp lại số tiền gốc đã vay để sung công quỹ Nhà nước là: 188.440.000 đồng (một trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

3.2. Buộc bị cáo Đặng Thị H nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

Bị cáo Đặng Thị H đã thu của bà Phan Thị Bích C là 201.040 đồng; đã thu của bà Lý Hoàng N là 72.800 đồng; đã thu của bà Nguyễn Thị N là 211.680 đồng; đã thu của bà Nguyễn Minh Thu H là 92.400 đồng; đã thu của bà Trần Thị Thu T là 120.400 đồng; đã thu của bà Bùi Thị Ngọc M là 263.200 đồng; đã thu của bà Hồ Thị Ngọc M là 856.800 đồng; đã thu của ông Cao Văn S là 596.400 đồng; đã thu của bà Trần Thị C là 261.520 đồng; đã thu của Trang M Hạnh là 252.000 đồng; đã thu của Nguyễn Thị Kim N là 58.800 đồng; đã thu của Nguyễn Trọng T là 64.400 đồng; đã thu của Trần Thị M T là 274.400 đồng; đã thu của Nguyễn Thị Cẩm T là 462.000 đồng; đã thu của M Thị Xuân Tr là 71.400 đồng; đã thu của Trần Thị Thanh T là 1.562.760 đồng; đã thu của Huỳnh Ngọc M S là 187.600 đồng; đã thu của Nguyễn Thị N là 1.500.800 đồng; đã thu của Nguyễn Thị Hữu D là 1.288.000 đồng; đã thu của Nguyễn Văn Thị H là 123.760 đồng; đã thu của Nguyễn Thị P là 86.800 đồng; đã thu của Nguyễn Thị Thu H là 219.520 đồng; đã thu của Nguyễn Ngọc M là 840.000 đồng; đã thu của Trương Thị L là 214.200 đồng; đã thu của Lý Thị N là 138.800 đồng; đã thu của Đỗ Thị Kim L là 291.760 đồng; đã thu của Thái Thị Kiều là 1.344.000 đồng.

Tổng cộng buộc bị cáo Đặng Thị H nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) để sung công quỹ Nhà nước là: 11.660.240 đồng (mười một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

3.3. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án T bộ số tiền thu lợi bất chính và tiền phí trái pháp luật cụ thể như sau:

1. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Phan Thị Bích C số tiền là 7.578.960 đồng.

2. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Lý Hoàng N số tiền là 3.527.200 đồng.

3. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 7.948.320 đồng.
4. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Minh Thu H số tiền là 3.707.600 đồng.
5. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Trần Thị Thu T số tiền là 3.829.600 đồng.
6. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Bùi Thị M Ngọc số tiền là 9.636.800 đồng.
7. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Hồ Thị Ngọc M số tiền là 30.743.200 đồng.
8. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho ông Cao Văn S số tiền là 22.033.600 đồng.
9. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Trần Thị C số tiền là 9.578.480 đồng.
10. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Trang M Hạnh số tiền là 9.748.000 đồng.
11. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền là 2.541.200 đồng.
12. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho ông Nguyễn Trọng T số tiền là 2.735.600 đồng.
13. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Trần Thị M T số tiền là 10.025.600 đồng.
14. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền là 17.538.000 đồng.
15. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà M Thị Xuân Tr số tiền là 2.478.600 đồng.
16. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Trần Thị Thanh T số tiền là 56.254.240 đồng.
17. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Huỳnh Ngọc M S số tiền là 5.662.400 đồng.
18. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 53.099.200 đồng.
19. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị Hữu D số tiền là 47.712.000 đồng.
20. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Văn Thị H số tiền là 3.485.400 đồng.
21. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 3.513.200 đồng.
22. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 7.340.480 đồng.
23. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền là 29.660.000 đồng.

24. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Chương Thị L số tiền là 7.685.800 đồng.

25. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Lý Thị N số tiền là 5.221.120 đồng.

26. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền là 10.328.240 đồng.

27. Buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho bà Thái Thị Kiều N số tiền là 48.257.000 đồng.

Tổng cộng buộc bị cáo Đặng Thị H trả lại cho 27 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là: 421.838.840 đồng (bốn trăm hai mươi một triệu tám trăm ba mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi đồng)

Buộc bị cáo Tô Bá N nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước

Đối với số tiền mỗi bị cáo đã nộp là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để khắc phục một phần tiền thu lợi bất chính theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002320 ngày 14/01/2025 và biên lai thu tiền tạm ứng số 0002321 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh được cản trở vào nghĩa vụ phải thi hành án của bị cáo Đặng Thị H và Tô Bá N phải thực hiện khi thi hành án.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- Một (01) điện thoại Iphone 11 Promax màu đen; Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy: 30 mẫu giấy mượn tiền không ghi thông tin gì (biểu mẫu).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lúc 15 giờ 00 phút, 12/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Căn cứ các Điều 135; 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

4.1. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp L bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND, CA quận Bình Thạnh;
- Chi cục THA Dân sự Q.BT;
- THA HS;
- PC.27 Công an Tp.HCM;
- Phòng hồ sơ CA TP. Hồ Chí Minh PV 06;
- Phòng PC 10;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thúc